**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**======\*\*\*======**

****

BÁO CÁO BTL THUỘC HỌC PHẦN:

THIẾT KẾ PHẦN MỀM

**THIẾT KẾ HỆ THỐNG WEBSITE**

**WWW.CGV.VN**

|  |  |
| --- | --- |
| GVHD: | Ths Ngô Thị Bích Thúy |
| Nhóm - Lớp: | 9 - 20232IT6096005 |
| Thành viên: | Nguyễn Văn Nam |
|  | Nguyễn Huy Hoàng |
|  | Trịnh Bá Nguyên |
|  | Vũ Văn Út |
|  | Dương Đình Trung |

Hà nội, Tháng 3 năm 2024

LỜI MỞ ĐẦU

Trong thời đại công nghệ số phát triển mạnh mẽ như hiện nay, việc có một hệ thống website hiệu quả là yếu tố quan trọng đối với mọi doanh nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực giải trí và điện ảnh. Trong bối cảnh này, việc thiết kế và phát triển hệ thống website cho các rạp chiếu phim không chỉ là một xu hướng mà còn là một bước tiến quan trọng để cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ tập trung vào việc giới thiệu về quá trình thiết kế hệ thống website cho CGV - một trong những chuỗi rạp chiếu phim hàng đầu tại Việt Nam và khu vực. Chúng tôi sẽ đề cập đến các yếu tố cơ bản cần xem xét khi thiết kế một trang web hiệu quả cho một chuỗi rạp chiếu phim lớn như CGV, từ giao diện người dùng đến tính năng và trải nghiệm người dùng.

Bằng cách tập trung vào việc nắm bắt nhu cầu của người dùng cũng như các yếu tố quan trọng của một hệ thống website phục vụ cho mục đích kinh doanh, hy vọng rằng bài viết này sẽ mang lại cái nhìn tổng quan và sâu sắc về quá trình thiết kế hệ thống website cho CGV.

Nhóm em rất mong nhận được những nhận xét đánh giá đến từ cô và các bạn để nhóm có thể có thêm kiến thức, kinh nghiệm phục vụ cho việc học tập được tốt hơn. Chúng em xin chân thành cảm ơn!

*Nhóm thực hiện,*

*Nhóm 9*

MỤC LỤC

[Chương 1. Các yêu cầu về chức năng 5](#_Toc161120151)

[1.1 Khảo sát hệ thống 5](#_Toc161120152)

[1.1.1 Giới thiệu chung về hệ thống 5](#_Toc161120153)

[1.1.2 Các yêu cầu chức năng 6](#_Toc161120154)

[1.1.3 Các yêu cầu lưu trữ dữ liệu 7](#_Toc161120155)

[1.2 Biểu đồ use case 9](#_Toc161120156)

[1.2.1 Các use case chính 10](#_Toc161120157)

[1.2.2 Các use case thứ cấp 11](#_Toc161120158)

[1.2.3 Phân rã một số use case 11](#_Toc161120159)

[1.3 Mô tả chi tiết các use case 12](#_Toc161120160)

[1.3.1 Mô tả use case tên use case 1 12](#_Toc161120161)

[1.3.2 Mô tả use case tên use case 2 13](#_Toc161120162)

[1.3.3 Mô tả use case tên use case n 14](#_Toc161120163)

[1.4 Tổ chức cấu trúc các gói phân tích và thiết kế 19](#_Toc161120164)

[Chương 2. Thiết kế cơ sở dữ liệu 20](#_Toc161120165)

[2.1 Biểu đồ thực thể liên kết mức logic 20](#_Toc161120166)

[2.2 Mô hình cơ sở dữ liệu mức vật lý 20](#_Toc161120167)

[2.3 Thiết kế bảng 20](#_Toc161120168)

[2.4 Biểu đồ thực thể liên kết mức vật lý 20](#_Toc161120169)

[Chương 3. Phân tích use case 21](#_Toc161120170)

[3.1 Biểu đồ các lớp Entity của hệ thống 21](#_Toc161120171)

[3.2 Phân tích các use case 22](#_Toc161120172)

[3.2.1 Phân tích use case Tên use case 1 (Họ tên người làm) 22](#_Toc161120173)

[3.2.2 Phân tích use case Tên use case 2 (Họ tên người làm) 24](#_Toc161120174)

[3.2.3 Phân tích use case Tên use case n (Họ tên người làm) 26](#_Toc161120175)

[3.3 Biểu đồ các lớp phân tích 32](#_Toc161120176)

[3.3.1 Nhóm use case chính 32](#_Toc161120177)

[3.3.2 Nhóm use case thứ cấp 32](#_Toc161120178)

[Chương 4. Thiết kế giao diện 33](#_Toc161120179)

[4.1 Giao diện use case Tên use case 1 (Họ tên người làm) 33](#_Toc161120180)

[4.1.1 Hình dung màn hình 33](#_Toc161120181)

[4.1.2 Biểu đồ lớp màn hình 33](#_Toc161120182)

[4.1.3 Biểu đồ cộng tác của các màn hình 33](#_Toc161120183)

[4.2 Giao diện use case Tên use case n (Họ tên người làm) 33](#_Toc161120184)

[4.2.1 Hình dung màn hình 33](#_Toc161120185)

[4.2.2 Biểu đồ lớp màn hình 33](#_Toc161120186)

[4.2.3 Biểu đồ cộng tác của các màn hình 33](#_Toc161120187)

[4.3 Biểu đồ điều hướng giữa các màn hình 33](#_Toc161120188)

[4.3.1 Nhóm use case chính 33](#_Toc161120189)

[4.3.2 Nhóm use case thứ cấp 33](#_Toc161120190)

# Các yêu cầu về chức năng

## Khảo sát hệ thống

### Giới thiệu chung về hệ thống

Hệ thống website của CGV là một nền tảng trực tuyến được thiết kế để cung cấp dịch vụ , thông tin về các bộ phim. Dưới đây là một mô tả sơ qua về hệ thống này:

**- Địa chỉ:** Website chính thức của CGV có thể truy cập qua địa chỉ [https://www.cgv.vn](https://www.cgv.vn/) hoặc các địa chỉ tương tự.

**- Lịch sử:** CGV (Cinema Global Ventures) là một trong những chuỗi rạp chiếu phim lớn tại Việt Nam, thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty CGV Việt Nam. Với một lịch sử phát triển dài, CGV đã trở thành một trong những thương hiệu rạp chiếu phim hàng đầu tại Việt Nam.

**- Tổ chức:** CGV có một hệ thống tổ chức rộng lớn, bao gồm các chi nhánh rạp chiếu phim trên khắp cả nước, từ các trung tâm thương mại lớn đến các khu vực dân cư. Ngoài ra, họ cũng có một đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp phục vụ khách hàng và quản lý hệ thống.

**- Hoạt động kinh doanh:** Hệ thống website CGV cung cấp thông tin về lịch chiếu phim, giá vé, các chương trình khuyến mãi, tin tức về ngành công nghiệp điện ảnh và các sự kiện đặc biệt của CGV. Ngoài ra, người dùng cũng có thể đặt vé trực tuyến thông qua website này.

**- Dịch vụ và tiện ích:** CGV không chỉ cung cấp dịch vụ xem phim mà còn có các tiện ích đi kèm như phòng VIP, hệ thống âm thanh và hình ảnh hiện đại, cũng như các dịch vụ thức ăn và đồ uống trong rạp.

### Các yêu cầu chức năng

* **Yêu cầu Chức năng:**
* **Xem lịch chiếu phim:** Người dùng có thể xem thông tin về lịch chiếu phim theo rạp, ngày và giờ.
* **Đặt vé trực tuyến:** Cho phép người dùng đặt vé xem phim trực tuyến thông qua website.
* **Thanh toán online:** Hỗ trợ thanh toán các đơn đặt vé qua các phương thức thanh toán trực tuyến an toàn và tiện lợi.
* **Quản lý tài khoản người dùng:** Cho phép người dùng đăng ký, đăng nhập và quản lý thông tin cá nhân của mình.
* **Thông tin phim và rạp chiếu:** Cung cấp thông tin chi tiết về các bộ phim đang chiếu, bao gồm lịch chiếu, đánh giá, thể loại, diễn viên và đạo diễn. Đồng thời cung cấp thông tin về các rạp chiếu, bao gồm vị trí, giờ mở cửa và các tiện ích.
* **Chương trình khuyến mãi:** Hiển thị thông tin về các chương trình khuyến mãi và ưu đãi đặc biệt đang diễn ra.
* **Tìm kiếm phim và rạp chiếu:** Cho phép người dùng tìm kiếm phim và rạp chiếu theo tiêu chí như tên phim, địa điểm, thể loại phim, và thời gian chiếu.
* **Yêu cầu Phi chức năng:**
* **Thiết kế giao diện thân thiện:** Đảm bảo giao diện website dễ sử dụng, thân thiện với người dùng và tương thích trên các thiết bị khác nhau.
* **Bảo mật thông tin:** Đảm bảo an toàn thông tin cá nhân và giao dịch của người dùng thông qua các biện pháp bảo mật như mã hóa dữ liệu và xác thực hai yếu tố.
* **Tích hợp hệ thống thanh toán:** Kết nối với các cổng thanh toán trực tuyến phổ biến để đảm bảo quá trình thanh toán mượt mà và an toàn.
* **Tốc độ và hiệu suất:** Đảm bảo website hoạt động mượt mà và nhanh chóng, đặc biệt là trong quá trình đặt vé và thanh toán.
* **Hỗ trợ đa ngôn ngữ và đa thiết bị:** Đảm bảo website hỗ trợ nhiều ngôn ngữ và tương thích trên các thiết bị di động, máy tính bảng và máy tính cá nhân.
* **Hỗ trợ khách hàng:** Cung cấp kênh hỗ trợ khách hàng như chat trực tuyến, email hoặc hotline để giải đáp thắc mắc và xử lý các vấn đề của người dùng.

### Các yêu cầu lưu trữ dữ liệu

* **Thông tin người dùng:** Bao gồm thông tin cá nhân như tên, địa chỉ email, số điện thoại, địa chỉ, mật khẩu đã được mã hóa.
* **Thông tin vé đã đặt:** Lịch sử đặt vé của người dùng bao gồm thông tin về phim, rạp, thời gian chiếu, số lượng vé và giá vé.
* **Dữ liệu về phim và lịch chiếu:** Thông tin chi tiết về các bộ phim bao gồm tên phim, thể loại, diễn viên, đạo diễn, đánh giá, ngày ra mắt và các buổi chiếu.
* **Thông tin rạp chiếu phim:** Bao gồm thông tin về các rạp chiếu phim như tên rạp, địa chỉ, thông tin liên hệ, số lượng phòng chiếu và các tiện ích đi kèm.
* **Dữ liệu khuyến mãi:** Thông tin về các chương trình khuyến mãi và ưu đãi đặc biệt bao gồm tên chương trình, nội dung khuyến mãi, thời gian diễn ra và các điều kiện áp dụng.
* **Dữ liệu thanh toán:** Thông tin về các giao dịch thanh toán như phương thức thanh toán, số tiền thanh toán, thời gian giao dịch và trạng thái thanh toán.
* **Dữ liệu về hoạt động trên website:** Ghi lại các hoạt động của người dùng trên website như lịch sử đăng nhập, thao tác đặt vé, xem thông tin phim, và thực hiện thanh toán.
* **Dữ liệu hỗ trợ khách hàng:** Lưu trữ các yêu cầu hỗ trợ khách hàng và các tương tác giữa người dùng và nhân viên hỗ trợ, bao gồm nội dung cuộc trò chuyện và thời gian tương tác.
* **Dữ liệu về quản lý hệ thống:** Thông tin về cấu hình hệ thống, tài khoản quản trị, lịch sử cập nhật và sự kiện hệ thống.

## Biểu đồ use case



### Các use case chính



### Các use case thứ cấp



### Phân rã một số use case





## Mô tả chi tiết các use case

### Mô tả use case Đăng ký

Use case này cho phép khách hàng đăng ký tài khoản trong bảng TAIKHOAN

* **Luồng sự kiện:**
  + **Luồng cơ bản:**

1. Use case bắt đầu khi khách hàng kích vào nút “Đăng ký” trên menu chính. Hệ thống sẽ hiển thị ra một form các thông tin để đăng ký gồm: tên tài khoản, số điện thoại, email, mật khẩu, ngày sinh, khu vực, rạp yêu thích.
2. Khách hàng nhập thông tin và kích vào nút “Đăng ký”. Hệ thống hiển thị lên thông báo “Gửi mã xác thực về số điện thoại đăng ký”.
3. Khách hàng nhập mã xác thực, sau đó ấn vào nút “Confirm”. Hệ thống sẽ thêm 1 bản ghi mới về thông tin tài khoản của khách hàng vào bảng TAIKHOAN trong cơ sở dữ liệu và hiển thị thông báo “Đăng ký thành công”.

Use case kết thúc.

* + **Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thị hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.
2. Tại bước 2 trong luồng cơ bản, nếu khách hàng nhập các thông tin không chính xác như tên tài khoản, địa chỉ, ngày sinh, mật khẩu, số điện thoại, email. Hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông báo “Yêu cầu nhập lại”.
3. Tại bước 3 trong luồng cơ bản, nếu khách hàng nhập mã xác thực được gửi về số điện thoại đăng ký không chính xác. Hệ thống sẽ hiển thị ra thông báo “Mã xác thực không hợp lệ”.

* **Các yêu cầu đặc biệt:**

Không có.

* **Tiền điều kiện:**

Không có.

* **Hậu điều kiện:**

Không có.

* **Điểm mở rộng:**

Không có.

### Mô tả use case Xem danh sách phim đang chiếu

Use case này cho phép khách hàng xem thông tin các phim đang chiếu trên hệ thống CGV.

* Luồng sự kiện:
  + Luồng cơ bản:

1. Use case này bắt đầu khi khách hàng chọn vào “Phim” ở trên menu chính ở trang chủ. Hệ thống hiển thị lên màn hình menu cấp 2 gồm: phim đang chiếu, phim sắp chiếu.
2. Khách hàng kích vào “Phim đang chiếu” ở trên menu cấp 2. Hệ thống sẽ lấy danh sách các phim đang chiếu gồm: ảnh, tên phim, thể loại, thời lượng và khởi chiếu từ bảng PHIM trong cơ sở dữ liệu và hiển thị danh sách phim đang chiếu lên màn hình. Use case này kết thúc.
   * Luồng rẽ nhánh:
3. Tại bất kì thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và use case kết thúc.
4. Tại bước 2 trong luồng cơ bản, nếu không tìm thấy phim nào thuộc danh sách phim đang chiếu thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Không có phim thuộc danh sách này”.

* Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

* Tiền điều kiện:

Không có.

* Hậu điều kiện:

Không có.

* Điểm mở rộng:

Không có.

### Mô tả use case Xem thông tin rạp

Use case này cho phép khách hàng xem thông tin các rạp trên hệ thống CGV.

* **Luồng sự kiện:**
  + **Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người khách kích vào nút “Rạp CGV” trên menu nhiệm vụ chính ở trang chủ. Hệ thống sẽ hiển thị danh mục các loại rạp (Tất cả rạp, rạp đặc biệt và rạp 3D) từ bảng LOAIRAP thông qua danh sách thả xuống cho khách hàng lựa chọn.
2. Khách hàng kích vào loại rạp muốn xem, hệ thống sẽ hiển thị danh sách các tên tỉnh thành phố từ bảng TINHTHANHPHO để khách hàng lựa chọn.
3. Khách hàng lựa chọn một tỉnh thành phố, hệ thống sẽ hiển thị danh sách các tên rạp có trong tỉnh thành phố đó từ bảng RAP thông qua danh sách để khách hàng lựa chọn.
4. Khách hàng lựa chọn rạp muốn xem, hệ thống sẽ tìm kiếm và hiển thị các thông tin chi tiết về rạp (Tên rạp, Tỉnh thành phố, Số điện thoại rạp) từ bảng RAP trong cơ sở dữ liệu và hiển thị lên màn hình.

Use case kết thúc.

* **Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bước 1 trong luồng cơ bản, nếu không tìm thấy danh mục rạp trong bảng LOAIRAP hệ thống sẽ hiển thị một thông báo “Các loại rạp đang được cập nhật!” và use case kết thúc.
2. Tại bước 2 trong luồng cơ bản nếu không tìm thấy tỉnh thành phố trong bảng TINHTHANHPHO hệ thống sẽ hiển thị một thông báo “Các tỉnh thành phố đang được cập nhật!” và use case kết thúc.
3. Tại bước 3 trong luồng cơ bản nếu không tìm thấy rap trong bảng RAP hệ thống sẽ hiển thị một thông báo “Các rap đang được cập nhật!” và use case kết thúc
4. Tại bước 4 trong luồng cơ bản nếu không tìm thấy thông tin rạp trong bảng RAP hệ thống sẽ hiển thị một thông báo “Thông tin rap đang được cập nhật!” và use case kết thúc.
5. Tại bất kì thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị thong báo “Lỗi kết nối!” và use case kết thúc.

* **Các yêu cầu đặc biệt:**

Không có.

* **Tiền điều kiện:**

Không có.

* **Hậu điều kiện:**

Không có.

* **Điểm mở rộng:**

Không có.

### Mô tả use case Bảo trì phim

Mô tả vắn tắt: use case này cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa các phim trong bảng Phim.

* **Luồng sự kiện:**
  + **Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi Người quản trị kích vào nút “Phim” trên menu quản trị. Hệ thống lấy thông tin chi tiết của các phim (Ảnh, Mã phim, Tên phim, Thể loại, Thời lượng, Khởi chiếu) từ bảng PHIM trong cơ sở dữ liệu hiển thị lên màn hình.
2. Thêm Phim:
   1. Người quản trị kích vào nút “Thêm mới” trên cửa sổ danh sách phim. Hệ thống hiển thị màn hình yêu cầu nhập thông tin chi tiết cho phim gồm: Ảnh, Tên phim, Thể loại, Thời lượng, Khởi chiếu.
   2. Người quản trị nhập thông tin cho phim mới và kích vào nút “Thêm”. Hệ thống sẽ tạo một bản ghi mới trong bảng PHIM và hiển thị danh sách các phim được cập nhật.
3. Sửa Phim:
   1. Người quản trị kích vào nút “Sửa” trên một dòng phim. Hệ thống hiển thị một màn hình với các thông tin cũ của phim trong các Textbox.
   2. Người quản trị sửa các thông tin của phim gồm: Ảnh, Tên phim, Thể loại, Thời lượng, Khởi chiếu và kích vào nút “Cập nhật”. Hệ thống sẽ cập nhật thông tin phim trong bảng PHIM và hiển thị danh sách phim đã cập nhật.
4. Xóa Phim:
   1. Người quản trị kích vào nút “Xóa” trên 1 dòng phim. Hệ thống sẽ hiển thị một màn hình xác nhận xóa.
   2. Người quản trị kích vào nút “Đồng ý”. Hệ thống sẽ xóa phim khỏi bảng PHIM và hiển thị danh sách các phim đã cập nhật.

Use case kết thúc.

* + **Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bước 2b hoặc 3b trong luồng cơ bản nếu người quản trị nhập thông tin Phim không hợp lệ thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi yêu cầu nhập lại. Người quản trị có thể nhập lại để tiếp tục hoặc kích nút “Hủy bỏ” để kết thúc.
2. Tại bước 2b hoặc 3b trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút “Hủy bỏ” hệ thống sẽ bỏ thao tác thêm mới hoặc sửa chữa tương ứng và hiển thị danh sách các phim trong bảng PHIM.
3. Tại bước 4b trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút “Huỷ bỏ” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác xóa và hiển thị danh sách các phim trong bảng PHIM.
4. Tại bất kì thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và use case kết thúc.

* **Các yêu cầu đặc biệt:**

Use case này chỉ cho phép 1 vai trò như người quản trị, người chủ hệ thống thực hiện.

* **Tiền điều kiện:**

Người quản trị phải đăng nhập với vai trò quản trị hệ thống trước khi có thể thực hiện use case.

* **Hậu điều kiện:**

Nếu use case kết thúc thành công thì thông tin về phim sẽ được cập nhật trong cơ sở dữ liệu.

* **Điểm mở rộng:**

Không có.

### Mô tả use case Quản lý tài khoản

Use case này cho phép người quản trị xem, sửa, xóa các tài khoản trong bảng TAIKHOAN.

* Luồng sự kiện:
  + Luồng cơ bản:

1. Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút “Tài khoản” trên menu quản trị. Hệ thống lấy thông tin chi tiết của các tài khoản gồm: mã tài khoản, tên tài khoản, địa chỉ, ngày sinh, mật khẩu, số điện thoại, email từ bảng TAIKHOAN trong cơ sở dữ liệu hiển thị danh sách các tài khoản lên màn hình.
2. Sửa tài khoản
3. Người quản trị kích vào nút “Sửa” trên một dòng tài khoản. Hệ thống sẽ lấy thông tin cũ của tài khoản được chọn gồm: mã tài khoản, tên tài khoản, địa chỉ, ngày sinh, mật khẩu, số điện thoại, email từ bảng TAIKHOAN và hiển thị lên màn hình.
4. Người quản trị nhập thông tin mới cho tài khoản gồm: tên tài khoản, địa chỉ, ngày sinh, mật khẩu, số điện thoại, email và kích vào nút “Cập nhật”. Hệ thống sẽ sửa thông tin của tài khoản được chọn trong bảng TAIKHOAN và hiển thị danh sách tài khoản đã cập nhật.
5. Xóa tài khoản
6. Người quản trị kích vào nút “Xóa” trên một dòng tài khoản. Hệ thống sẽ hiển thị một màn hình yêu cầu xác nhận xóa.
7. Người quản trị kích vào nút “Đồng ý”. Hệ thống sẽ xóa tài khoản được chọn khỏi bảng TAIKHOAN và hiển thị danh sách các tài khoản đã cập nhật.

Use case kết thúc.

* + Luồng rẽ nhánh:

1. Tại bước 2b trong luồng cơ bản nếu người quản trị nhập thông tin tài khoản không hợp lệ thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi yêu cầu nhập lại. Người quản trị có thể nhập lại để tiếp tục hoặc kích vào nút “Hủy bỏ” để kết thúc.
2. Tại bước 2b trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút “Hủy bỏ” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác sửa chữa tương ứng và hiển thị danh sách các tài khoản trong bảng TAIKHOAN.
3. Tại bước 3b trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút “Không đồng ý” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác xóa và hiển thị danh sách các tài khoản trong bảng TAIKHOAN.
4. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

* Các yêu cầu đặc biệt:

Use case này chỉ cho phép một số vai trò như người quản trị, người chủ hệ thống thực hiện.

* Tiền điều kiện:

Người quản trị cần đăng nhập với vai trò quản trị hệ thống trước khi có thể thực hiện use case.

* Hậu điều kiện:

Nếu use case kết thúc thành công thì thông tin về tài khoản sẽ được cập nhật trong cơ sở dữ liệu.

* Điểm mở rộng:

Không có.

## Tổ chức cấu trúc các gói phân tích và thiết kế

# Thiết kế cơ sở dữ liệu

< HD: Mô tả các yêu cầu về dữ liệu>

### Biểu đồ thực thể liên kết mức logic

< HD: Biểu đồ thực thể liên kết>

### Mô hình cơ sở dữ liệu mức vật lý

### Thiết kế bảng

< HD: Các thiết kế bảng>

### Biểu đồ thực thể liên kết mức vật lý

< HD: Biểu đồ thực thể liên kết mức vật lý>

# Phân tích use case

## Biểu đồ các lớp Entity của hệ thống



## Phân tích các use case

### Phân tích use case Đăng ký (Nguyễn Văn Nam)

#### Biểu đồ trình tự



#### Biểu đồ lớp phân tích



### Phân tích use case Xem danh sách phim đang chiếu (Vũ Văn Út)

#### Biểu đồ trình tự



#### Biểu đồ lớp phân tích



### Phân tích use case Xem thông tin rạp (Dương Đình Trung)

#### Biểu đồ trình tự



#### Biểu đồ lớp phân tích



### Phân tích use case Bảo trì phim (Trịnh Bá Nguyên)

#### Biểu đồ trình tự



#### Biểu đồ lớp phân tích



### Phân tích use case Quản lý tài khoản (Nguyễn Huy Hoàng)

#### Biểu đồ trình tự



#### Biểu đồ lớp phân tích

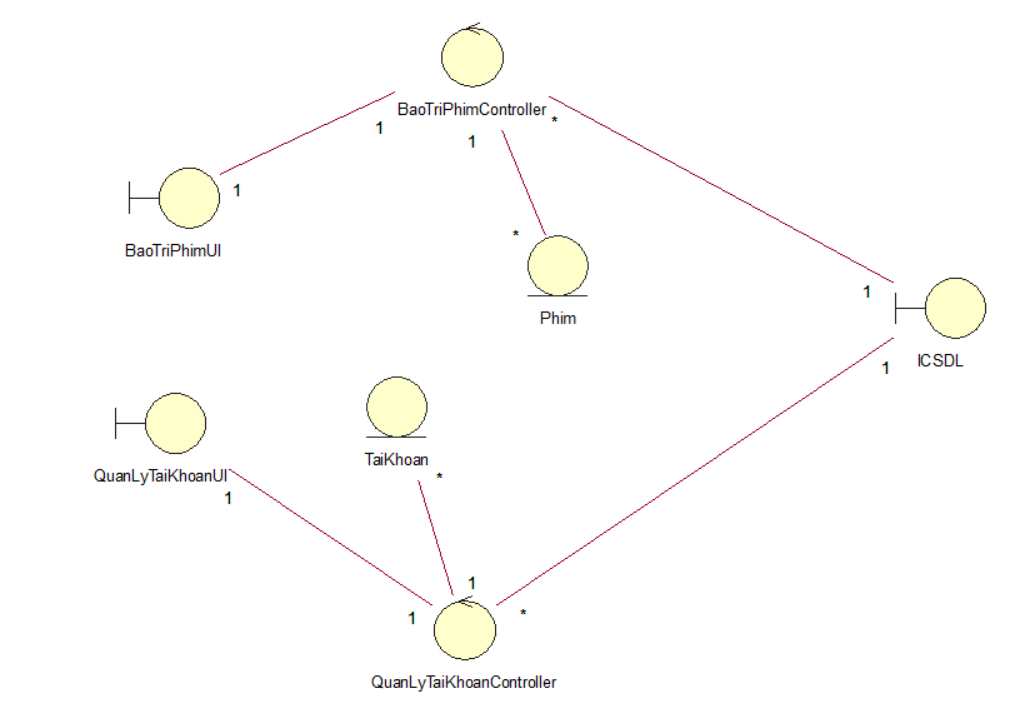


## Biểu đồ các lớp phân tích

### Nhóm use case chính



### Nhóm use case thứ cấp



# Thiết kế giao diện

## Giao diện use case Tên use case 1 (Họ tên người làm)

### Hình dung màn hình

<HD: Vẽ hình dung màn hình> (có thể dùng Dreamware hoặc Visual Studio để đặt các đối tượng lên màn hình)

### Biểu đồ lớp màn hình

<HD: Vẽ biểu đồ lớp màn hình>

### Biểu đồ cộng tác của các màn hình

<HD: Vẽ biểu đồ trình tự phần luồng cơ bản mô tả sự cộng tác giữa các màn hình>

## Giao diện use case Tên use case n (Họ tên người làm)

### Hình dung màn hình

<HD: Vẽ hình dung màn hình> (có thể dùng Dreamware hoặc Visual Studio để đặt các đối tượng lên màn hình)

### Biểu đồ lớp màn hình

<HD: Vẽ biểu đồ lớp màn hình>

### Biểu đồ cộng tác của các màn hình

<HD: Vẽ biểu đồ trình tự phần luồng cơ bản mô tả sự cộng tác giữa các màn hình>

….

## Biểu đồ điều hướng giữa các màn hình

### Nhóm use case chính

<HD: Vẽ biểu đồ lớp gồm tất cả các màn hình của nhóm use case chính>

### Nhóm use case thứ cấp

<HD: Vẽ biểu đồ lớp gồm tất cả các màn hình của nhóm use case thứ cấp>